Xy lanh kẹp loại song song
HPPL-32-80-A-F1A

Số bộ phận: 8200780

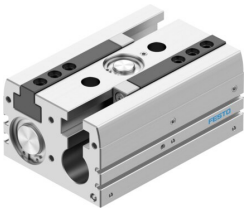

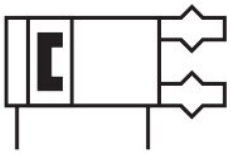

Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kích thước	32
Tổng hành trình	80 mm
Hành trình trên mỗi hàm kẹp	40 mm
Bộ gắp tối đa hàm góc chơi rìu, ay	0.2 °
Khe chấu kẹp tối đa Sz	0.05 mm
Độ chính xác lặp lại kẹp	0.03 mm
Số chấu kẹp	2
Loại bộ truyền động	khí nén
Vị trí lắp đặt	bất kì
Nguyên tắc vận hành	tác động kép
Đệm	vòng/tấm giảm chấn đàn hồi ở cả hai bên không có cữ chặn cố định kim loại
Chức năng kẹp	Song song
Thiết bị an toàn lực kẹp	không có
Cấu trúc xây dựng	Pít tông đôi Dẫn hướng thanh trượt pít tông Dạng T Thanh răng/bánh răng
Dẫn hướng	Dẫn hướng tải nặng
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần
Các biến thể	Các kim loại có đồng, kẽm hoặc niken là thành phần chính không được phép sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bảng mạch, dây dẫn, bộ kết nối và cuộn dây.
Áp suất vận hành	0.2 MPA...0.8 MPA 2 bar...8 bar 29 psi...116 psi
Thời gian mở tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	172 ms
Thời gian đóng tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	128 ms
Khối lượng tối đa trên mỗi ngón tay kẹp bên ngoài	330 g
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27

Đặc tính	Giá trị
Lớp chống ăn mòn KBK	1 - ứng suất ăn mòn thấp
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Phù hợp cho sản xuất pin với giá trị Cu/Zn/Ni giảm (F1a)
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
Mức độ bảo vệ	IP40
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-10 °C...80 °C
Mở tổng lực kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	676 N
Đóng tổng lực kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	812 N
Mở lực kẹp trên mỗi chấu kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	338 N
Đóng lực kẹp trên mỗi chấu kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	406 N
Lực kẹp tổng lý thuyết tại 0 mm, 0,6 MPa (6 bar, 87 psi) khi mở	754 N
Lực kẹp tổng lý thuyết tại 0 mm,0,6 MPa (6 bar,87 psi) khi đóng	890 N
Lực kẹp lý thuyết trên mỗi chấu kẹp tại 0 mm, 0,6 MPa (6 bar, 87 psi) khi mở	377 N
Lực kẹp lý thuyết trên mỗi chấu kẹp tại 0 mm, 0,6 MPa (6 bar, 87 psi) khi đóng	445 N
Mô-men quán tính khối lượng	35.72 kgcm²
Lực tối đa Fz	2200 N
Thời điểm tối đa tại thời điểm nắm chặt hàm Mx tĩnh	115 N m
Mô-men tối đa trên các hàm kẹp My tĩnh	70 N m
Mô-men tối đa trên các hàm kẹp Mz tĩnh	85 N m
trọng lượng sản phẩm	1845 g
Kiểu gắn	với ren trong và vòng măng xông với lỗ xuyên và vòng măng sông
Cổng nối khí nén	M5
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS không chứa đồng
Vật liệu nắp che	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu đế cuối van	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu vỏ	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Hàm kẹp vật liệu	thép hợp kim không gỉ
Vật liệu pít tông	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu con dấu piston	TPE-U(PU)
Vật liệu thanh piston	thép không gỉ hợp kim cao
Vật liệu vòng đệm chữ O	NBR
Vật liệu vít	Thép, mạ niken hóa học
Vật liệu bánh răng	thép hợp kim cao
Vật liệu ngón tay kẹp	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa